

Số: /NQ-HĐND

Con Cuông, ngày tháng năm 2025

NGHỊ QUYẾT

Về việc phân bổ kinh phí chi thường xuyên nguồn ngân sách trung ương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững năm 2025

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN HUYỆN CON CUÔNG
KHOÁ XX, KỲ HỌP THỨ 28**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 24/2021/QH15 ngày 28 tháng 07 năm 2021 của Quốc hội phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Nghị định 38/2023/NĐ-CP ngày 24/6/2023 của chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 của chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 90/QĐ-TTg ngày 18/1/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ các Thông tư của Bộ Tài chính: số 55/2023/TT-BTC ngày 15 tháng 8 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Quy định quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 17/2025/NQ-HĐND ngày 24 tháng 6 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Về việc phân bổ kinh phí chi thường xuyên nguồn ngân sách trung ương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 1327/QĐ-UBND, ngày 12/5/2025 của UBND tỉnh Nghệ An về việc phân bổ kinh phí chi thường xuyên nguồn vốn Ngân sách Trung ương thực hiện Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững năm 2025;

Xét Tờ trình số 125 /TTr-UBND ngày 18 tháng 6 năm 2025 của Ủy ban nhân dân huyện Con Cuông; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Xã hội Hội đồng nhân dân huyện và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân huyện tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phân bổ kinh phí chi thường xuyên nguồn vốn Ngân sách Trung ương thực hiện Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững năm 2025 trên địa bàn huyện, số tiền: **8.272 triệu đồng** (*Tám tỷ hai trăm bảy mươi hai triệu đồng*)

(Chi tiết tại phụ lục kèm theo).

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân huyện và UBND xã tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân huyện, các Ban của Hội đồng nhân dân huyện, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân huyện và các đại biểu Hội đồng nhân dân huyện giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Điều 3. Hiệu lực thi hành

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân huyện Con Cuông khoá XX, nhiệm kỳ 2021-2026 thông qua tại Kỳ họp thứ 28, ngày 19 tháng 6 năm 2025 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày thông qua./.

Nơi nhận:

- TT. HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- TT. HU, TT. HĐND huyện;
- UBND huyện; UBMTTQ huyện;
- Các cơ quan đơn vị, 12 xã, thị trấn;
- Các đại biểu HĐND huyện khóa XX;
- Công TT điện tử huyện;
- Lưu: VT. 

CHỦ TỊCH



Lương Đình Việt

PHỤ LỤC: PHÂN BỐ KINH PHÍ CHƯƠNG TRÌNH MTQG GIẢM NGHÈO NĂM 2025
(Thực hiện: Dự án 2; Tiểu dự án 1, tiểu dự án 2- Dự án 3; Tiểu dự án 3- Dự án 4; Tiểu dự án 1, tiểu dự án 2- Dự án 6;
Tiểu dự án 1, tiểu dự án 2- Dự án 7)

(Kèm theo Nghị quyết số /NQ-HĐND ngày tháng 6 năm 2025 của HĐND huyện)

Đơn vị : đồng.

TT	Tên dự án, tiểu dự án	Lĩnh vực	Kinh phí cấp năm 2025 theo Quyết định số 1327/QĐ-UBND ngày 12/5/2025 của UBND tỉnh	Trong đó		Ghi Chú
				Kinh phí phân bổ năm 2025 về các đơn vị	Kinh phí phân bổ sau	
1	Dự án 2: Đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo	Sự nghiệp kinh tế	3.961.000.000	3.961.000.000	0	
1	Môn Sơn			548.381.997		
2	Lục Dạ			516.410.423		
3	Yên Khê			152.212.493		
4	Thị trấn Trà Lân			43.092.121		
5	Chi Khê			83.404.106		
6	Châu Khê			479.573.609		
7	Lạng Khê			310.680.295		
8	Cam Lâm			280.793.823		
9	Đôn Phục			280.098.789		
10	Mậu Đức			464.977.891		
11	Thạch Ngàn			520.580.628		
12	Bình Chuẩn			280.793.823		
2	Tiểu dự án 1 thuộc Dự án 3: Hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp	Sự nghiệp kinh tế	1.777.000.000	1.777.000.000	0	
1	Môn Sơn			246.017.371		
2	Lục Dạ			231.674.153		
3	Yên Khê			68.286.191		
4	Thị trấn Trà Lân			19.332.164		

ml

TT	Tên dự án, tiểu dự án	Lĩnh vực	Kinh phí cấp năm 2025 theo Quyết định số 1327/QĐ-UBND ngày 12/5/2025 của UBND tỉnh	Trong đó		Ghi Chú
				Kinh phí phân bổ năm 2025 về các đơn vị	Kinh phí phân bổ sau	
5	Chi Khê			37.417.091		
6	Châu Khê			215.148.272		
7	Lạng Khê			139.378.663		
8	Cam Lâm			125.970.872		
9	Đôn Phục			125.659.063		
10	Mậu Đức			208.600.281		
11	Thạch Ngàn			233.545.008		
12	Bình Chuẩn			125.970.872		
3	Tiểu dự án 2 thuộc Dự án 3: Cải thiện dinh dưỡng	Sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	670.000.000	670.000.000	0	
1	Môn Sơn			92.758.379		
2	Lục Dạ			87.350.412		
3	Yên Khê			25.746.622		
4	Thị trấn Trà Lân			7.288.998		
5	Chi Khê			14.107.738		
6	Châu Khê			81.119.495		
7	Lạng Khê			52.551.325		
8	Cam Lâm			47.496.052		
9	Đôn Phục			47.378.487		
10	Mậu Đức			78.650.640		
11	Thạch Ngàn			88.055.799		
12	Bình Chuẩn			47.496.052		
4	Tiểu dự án 3 thuộc Dự án 4: Hỗ trợ việc làm bền vững	Sự nghiệp kinh tế	684.000.000	684.000.000	0	
1	Môn Sơn			94.696.613		

nh

TT	Tên dự án, tiểu dự án	Lĩnh vực	Kinh phí cấp năm 2025 theo Quyết định số 1327/QĐ-UBND ngày 12/5/2025 của UBND tỉnh	Trong đó		Ghi Chú
				Kinh phí phân bổ năm 2025 về các đơn vị	Kinh phí phân bổ sau	
2	Lục Dạ			89.175.645		
3	Yên Khê			26.284.611		
4	Thị trấn Trà Lân			7.441.305		
5	Chi Khê			14.402.527		
6	Châu Khê			82.814.529		
7	Lạng Khê			53.649.412		
8	Cam Lâm			48.488.507		
9	Đôn Phục			48.368.486		
10	Mậu Đức			80.294.087		
11	Thạch Ngàn			89.895.771		
12	Bình Chuẩn			48.488.507		
5	Tiểu dự án 1 thuộc Dự án 6: Giảm nghèo về thông tin	Sự nghiệp văn hóa thông tin	112.000.000	112.000.000	0	
1	Môn Sơn			15.505.878		
2	Lục Dạ			14.601.860		
3	Yên Khê			4.303.913		
4	Thị trấn Trà Lân			1.218.459		
5	Chi Khê			2.358.308		
6	Châu Khê			13.560.274		
7	Lạng Khê			8.784.699		
8	Cam Lâm			7.939.639		
9	Đôn Phục			7.919.986		
10	Mậu Đức			13.147.570		
11	Thạch Ngàn			14.719.775		
12	Bình Chuẩn			7.939.639		



TT	Tên dự án, tiểu dự án	Lĩnh vực	Kinh phí cấp năm 2025 theo Quyết định số 1327/QĐ-UBND ngày 12/5/2025 của UBND tỉnh	Trong đó		Ghi Chú
				Kinh phí phân bổ năm 2025 về các đơn vị	Kinh phí phân bổ sau	
6	Tiểu dự án 2 thuộc Dự án 6: Truyền thông về giảm nghèo đa chiều	Sự nghiệp văn hóa thông tin	190.000.000	190.000.000	0	
1	Môn Sơn			26.304.615		
2	Lục Dạ			24.771.012		
3	Yên Khê			7.301.281		
4	Thị trấn Trà Lân			2.067.029		
5	Chi Khê			4.000.702		
6	Châu Khê			23.004.036		
7	Lạng Khê			14.902.614		
8	Cam Lâm			13.469.030		
9	Đôn Phục			13.435.690		
10	Mậu Đức			22.303.913		
11	Thạch Ngàn			24.971.048		
12	Bình Chuẩn			13.469.030		
7	Tiểu dự án 1 thuộc Dự án 7: Nâng cao năng lực thực hiện Chương trình	Sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề	615.000.000	615.000.000	0	
1	Môn Sơn			85.143.885		
2	Lục Dạ			80.179.856		
3	Yên Khê			23.633.094		
4	Thị trấn Trà Lân			6.690.647		
5	Chi Khê			12.949.640		
6	Châu Khê			74.460.432		
7	Lạng Khê			48.237.410		

TT	Tên dự án, tiểu dự án	Lĩnh vực	Kinh phí cấp năm 2025 theo Quyết định số 1327/QĐ-UBND ngày 12/5/2025 của UBND tỉnh	Trong đó		Ghi Chú
				Kinh phí phân bổ năm 2025 về các đơn vị	Kinh phí phân bổ sau	
8	Cam Lâm			43.597.122		
9	Đôn Phục			43.489.209		
10	Mậu Đức			72.194.245		
11	Thạch Ngàn			80.827.338		
12	Bình Chuẩn			43.597.122		
8	Tiểu dự án 2 thuộc Dự án 7: Giám sát, đánh giá	Sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề	263.000.000	263.000.000	0	
1	Môn Sơn			36.411.125		
2	Lục Dạ			34.288.296		
3	Yên Khê			10.106.510		
4	Thị trấn Trà Lân			2.861.204		
5	Chi Khê			5.537.814		
6	Châu Khê			31.842.428		
7	Lạng Khê			20.628.356		
8	Cam Lâm			18.643.973		
9	Đôn Phục			18.597.824		
10	Mậu Đức			30.873.311		
11	Thạch Ngàn			34.565.187		
12	Bình Chuẩn			18.643.973		
Tổng cộng			8.272.000.000	8.272.000.000		

kl